

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 01 năm 2025

"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc và ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1999

Nơi cư trú: thôn N, xã N1, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt có lý do).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1995

Nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Công S ngày 08 tháng 3 năm 2018, trước khi kết hôn chị và anh S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổ chức kết hôn xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh S ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 4/2018 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không

hợp, anh S không chịu khó làm ăn từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, anh S nhiều lần đánh chị trong 2 năm từ năm 2018 đến năm 2020. Đến tháng 9/2020 chị đã làm đơn để ly hôn với anh S nhưng lúc này anh S hứa sẽ thay đổi để vợ chồng về hòa thuận nên vợ chồng chị đã hàn gắn và chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì vợ chồng mâu thuẫn không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không đạt được, vợ chồng lạnh nhạt không quan tâm nhau, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không thăm hỏi quan tâm gì nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Công S trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do, qua xác minh tại UBND xã Y và lời khai của bà La Thị P là mẹ đẻ của anh S được biết: Vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng khoảng 2 - 3 năm trở lại đây. Khoảng tháng 5/2024 bà nghe anh S nói vợ chồng đã thống nhất đi đến ly hôn vì không còn tình cảm với nhau. Anh S hiện nay đang đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên có mặt ở nhà. Anh có biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị T và anh. Các lần Tòa án báo gọi gia đình bà đều nhận được giấy báo và đã đưa trực tiếp cho anh S. Nay chị T xin ly hôn anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô không có đề nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T. Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Công S.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ “tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh Nguyễn Công S có địa chỉ tại thôn A, xã Y, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Sông Lô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với chị T là nguyên đơn mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị đã có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận còn anh Sơn là bị đơn tại phiên tòa hôm nay vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Công S là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên từ đó dẫn đến thường xuyên cãi, đánh chửi nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 9/2023 cho đến nay. Bản thân anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, các giấy báo, giấy triệu tập đều giao cho gia đình anh S và gia đình đã thông báo lại cho anh được biết nhưng anh S vẫn không có quan điểm trình bày về việc chị T xin ly hôn anh. Như vậy, anh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện sự trốn tránh trách nhiệm, không có thiện chí muốn hòa giải để vợ chồng về hàn gắn với nhau.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thường xuyên cãi, đánh chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ trong một thời gian dài, không quan tâm thăm hỏi nhau. Do vậy đề nghị của chị T xin được ly hôn anh S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: chị T xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với yêu cầu chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Công S.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001022 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Án xử công khai chị T, anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại UBND nơi chị T và anh S cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THA dân sự huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kiên Thành

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sông Lô, ngày 21 tháng 01 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 21 tháng 01 năm 2025

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng và Bà Nguyễn Thị Ngọc.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh năm 1999

Nơi cư trú: thôn Ngọc Sơn, xã Như Thụy, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công Sơn, sinh năm 1995

Nơi cư trú: thôn An Khang, xã Yên Thạch, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Trang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền Trang được ly hôn anh Nguyễn Công Sơn.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Huyền Trang phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001022 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị Trang đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật. Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Biên bản làm xong đã đọc lại các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Xuân Hùng

Nguyễn Kiên Thành